

Bản án số: 25/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 15/9/2022.

Vụ: L - T.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi - Ông Nguyễn Hồng Thăng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Xuân Trà – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện VKS nhân dân huyện P: Ông Lưu Nguyên Vũ.

Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Ly hôn sơ thẩm thụ lý số: 80/2022/HNGĐ-ST ngày 23/5/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/QĐXX- ST ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị L, sinh năm 1995 (Có mặt).

Trú tại: Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1994 (Xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Anh T hiện đang cải tạo tại đội số 37, phân trại số 1, Trại giam N – Bộ Công an;

Địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Tạ Thị L trình bày: Chị với anh Trần Văn T kết hôn với nhau năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, lý do anh T nghiện hút ma túy, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần không được dẫn đến mâu thuẫn đánh, cãi chửi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay,

chị xác định giữa chị với anh T tình cảm không còn, không có tiếng nói chung kể cả về cuộc sống và tinh thần. Nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu Trần Thị Bích P, sinh này 02/8/2015. Chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Không có gì; nợ chung: Không nợ ai.

2. Tại bản tự khai ngày 04/8/2022 của anh Tạ Văn T: Anh với cô Tạ Thị L kết hôn với nhau vào năm 2014, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, anh xác định vợ chồng sống với nhau không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 29/6/2021, do vi phạm pháp luật nên anh bị bắt và phải đi cải tạo tại Trại giam Nam Hà – Bộ Công an. Từ khi anh đi thi hành án đến nay, cô L có đến thăm anh một lần. Nay Cô L làm đơn xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án phân tích để cô L rút đơn, đợi anh thi hành án xong thì mới tiến hành giải quyết việc ly hôn. Nên anh không đồng ý ly hôn với cô L, còn cô L vẫn cố tình xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu Trần Thị Bích P, sinh này 02/8/2015. Trong trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án chấp nhận theo đề nghị của cháu Phượng, chấp nhận để cho cô L trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và không nợ ai.

Do anh hiện đang đi cải tạo tại Trại giam Nam Hà, nên không về tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện P. Trong trường hợp cô L kiên quyết xin ly hôn, anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành mở phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng do anh T đang cải tạo tại: Đội 37, phân trại số 1, trại giam Nam Hà- Bộ công an; Địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Nên không thể tiến hành phiên họp về việc công khai tài liệu chứng cứ, tham gia hòa giải vụ án do Tòa án chủ trì. Do đó tòa án không thể tiến hành hòa giải được giữa các đương sự. Nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T và xin được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh đóng góp tiền nuôi con chung cùng với chị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu điểm đối với vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; thư ký tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người

tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Thẩm phán giải quyết vụ án đã tiến hành giao các Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải; Tòa án nhân dân huyện P ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam tiến hành giao các văn bản tố tụng của Tòa án huyện P cho anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện Kiểm sát:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tạ Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Bích P, sinh này 02/8/2015.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, và được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này Chị Tạ Thị L là nguyên đơn, anh Trần Văn T là bị đơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành báo gọi chị L, anh T đến Tòa án để tiến hành cho các đương sự tự khai. Nhưng do anh T đang đi cải tạo tại: Đội 37, phân trại số 1, trại giam Nam Hà-Bộ công an; Địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Tòa án nhân dân huyện P ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam tiến hành giao các văn bản tố tụng của Tòa án huyện P cho anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã có bản tự khai và đề nghị Tòa án huyện P xét xử vắng mặt anh. Nên vụ án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tài liệu chứng cứ: Tại Tòa án chị L nộp các tài liệu chứng cứ gồm 01 đơn xin ly hôn anh T; 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa chị L với anh T; 01 chứng minh thư nhân dân của chị L; 01 bản sao giấy khai sinh con của chị L với anh T; 01 giấy xác nhận thông tin về cư trú của chị Tạ Thị L.

[3]. Về nội dung: Chị Tạ Thị L và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2014 tại UBND xã B, huyện P trên cơ sở tự nguyện, nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng anh chị sống không hạnh phúc, bất đồng về quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ

chồng, vì anh T mắc nghiện ma túy, hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm của anh chị không còn, nếu duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L, anh T không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp thực tế và pháp luật.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trần Thị Bích P, sinh ngày 02/8/2015. Hiện cháu Phượng đang ở với mẹ, cháu Phượng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, chị L vẫn đề nghị xin được nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử giao cháu Phượng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 146, 147, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tạ Thị L, cho chị L được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị L trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thị Bích P, sinh ngày 02/8/2015, tạm hoãn phần đóng góp tiền nuôi con chung cho anh T vì chị L chưa yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung. Vì quyền lợi của con chung, anh T có quyền xin thay đổi nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang (Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002801 ngày 23/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P). Án xét xử sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh T. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với chị L. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày anh T nhận được bản án của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- THA Phú Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư.

Phạm Quang Thái

TAND HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÍCH LỤC ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tại bản án Ly hôn sơ thẩm số 25/LHST ngày 15/9/2022. Tòa án nhân dân huyện P ra quyết định ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị L, sinh năm 1995 (Có mặt).

Trú tại: Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1994 (Xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Anh T hiện đang cải tạo tại đội số 37, phân trại số 1, Trại giam Nam Hà – Bộ Công an; Địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tính:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tạ Thị L, cho chị L được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị L trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thị Bích P, sinh này 02/8/2015, tạm hoãn phần đóng góp tiền nuôi con chung cho anh T vì chị L chưa yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung. Vì quyền lợi của con chung, anh T có quyền xin thay đổi nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang (Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002801 ngày 23/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P). Án xét xử sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh T. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với chị L. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày anh T nhận được bản án của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023

Cấp cho chị Tạ Thị L để sử dụng cá nhân

PHÓ CHÁNH ÁN

Phạm Quang Thái

